ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TIÊN HOA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**
Số: 11/TB-UBND	*Tiên Hoa, ngày 10 tháng 01 năm 2026*

THÔNG BÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trự quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Hoa về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Tiên Hoa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025;

Ủy ban nhân dân xã Tiên Hoa thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025. ***(Có mẫu biểu chi tiết kèm theo)***

2. Hình thức công khai: Cổng thông tin điện tử xã, Đài truyền thanh xã và gửi Thông báo công khai cho các đơn vị liên quan.

3 Thời gian công khai: 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Ủy ban nhân dân xã Tiên Hoa thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND xã;
- Các phòng: Kinh tế, Văn hóa- Xã hội xã;
- Trung tâm: Dịch vụ Tổng hợp xã, Phục vụ Hành chính công xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Quang Vinh

UBND Xã Tiên Hoa

Biểu số 113/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiên	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**81.006.768.000**	**300.770.783.118**	**371,29**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	533.000.000	4.367.739.422	819,46
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	29.330.200.000	55.169.975.504	188,10
3	Thu bổ sung	51.143.568.000	209.376.911.357	409,39
-	Bổ sung cân đối	31.643.568.000	31.644.000.000	100,00
-	Bổ sung có mục tiêu	19.500.000.000	177.732.911.357	911,45
4	Thu chuyển nguồn		4.274.622.939	
	TỔNG SỐ CHI	**81.006.768.000**	**477.054.652.129**	**588,91**
1	Chi đầu tư phát triển	28.781.000.000	72.267.626.383	251,09
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	32.039.768.000	183.903.725.754	573,99
3	Chi bổ sung mục tiêu	19.500.000.000		
4	Dự phòng	686.000.000		

Biểu số 114/CK-NSNN

UBND Xã Tiên Hoa

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiên		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	**93.582.283.000**	**80.800.768.000**	**267.082.012.531**	**243.720.515.710**	**285,40**	**301,63**
I	**Các khoản thu xã hưởng 100%**	**41.808.715.000**	**29.394.000.000**	**54.367.554.254**	**34.648.879.617**	**130,04**	**117,88**
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thu từ khí thiên nhiên và khí than theo hiệp định, hợp đồng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Lệ phí trước bạ	160.000.000	80.000.000	2.969.345.836	471.571.683	**1855,84**	**589,46**
-	Các loại phí, lệ phí	89.000.000	89.000.000	129.881.500	88.347.500	**145,93**	**99,27**
-	Các khoản thu về nhà, đất	41.115.715.000	28.781.000.000	46.136.669.437	32.341.636.947	**112,21**	**112,37**
-	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
-	Thu khác ngân sách	94.000.000	94.000.000	1.487.238.989	1.388.536.222	**1582,17**	**1477,17**
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	350.000.000	350.000.000	219.265.500	219.265.500	**62,65**	**62,65**
-	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**630.000.000**	**263.200.000**	**5.170.160.672**	**1.527.338.488**	**820,66**	**580,30**
-	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	365.000.000	146.000.000	6.059.206.374	671.198.603	**1660,06**	**459,73**
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thuế thu nhập cá nhân	265.000.000	117.200.000	2.536.107.290	995.661.650	**957,02**	**849,54**
-	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
III	**Thu Viện trợ**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**3.343.314.287**	**3.343.314.287**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**			**13.453.148.468**	**13.453.148.468**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**51.143.568.000**	**51.143.568.000**	**190.747.834.850**	**190.747.834.850**	**372,97**	**372,97**
-	Bổ sung cân đối	31.643.568.000	31.643.568.000	26.713.214.000	26.713.214.000	**84,42**	**84,42**
-	Bổ sung có mục tiêu	19.500.000.000	19.500.000.000	164.034.620.850	164.034.620.850	**841,20**	**841,20**

UBND Xã Tiên Hoa

Biểu số 115/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**81.006.768.000**	**28.781.000.000**	**52.225.768.000**	**229.012.526.709**	**64.402.818.383**	**164.609.708.326**	**282,71**	**223,77**	**315,19**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	**55.000.000**		55.000.000	92.050.394.511	12.331.188.000	79.719.206.511	**167364,35**		**144944,01**
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	**238.898.000**		238.898.000	11.142.874.870		11.142.874.870	**4664,28**		**4664,28**
4	Chi văn hóa, thông tin	**1.154.635.940**		1.154.635.940	5.089.233.264	3.698.819.335	1.390.413.929	**440,77**		**120,42**
5	Chi phát thanh, truyền thanh				192.687.200		192.687.200			
6	Chi thể dục thể thao				24.930.460		24.930.460			
7	Chi bảo vệ môi trường	**175.000.000**		175.000.000	1.919.761.144		1.919.761.144	**1097,01**		**1097,01**
8	Chi các hoạt động kinh tế	**3.125.900.000**		3.125.900.000	47.368.902.751	39.124.664.492	8.244.238.259	**1515,37**		**263,74**
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	**24.137.876.319**		24.137.876.319	48.385.537.828	2.798.550.000	45.586.987.828	**200,45**		**188,86**
10	Chi cho công tác xã hội	**798.445.200**		798.445.200	18.685.932.787	4.127.495.000	14.558.437.787	**2340,29**		**1823,35**
11	Chi quốc phòng	**1.194.627.741**		1.194.627.741	865.059.338		865.059.338	**72,41**		**72,41**
12	Chi an ninh	**1.159.384.800**		1.159.384.800	3.287.212.556	2.322.101.556	965.111.000	**283,53**		**83,24**
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Chi bổ sung mục tiêu	**19.500.000.000**		19.500.000.000						
C	Dự phòng ngân sách	**686.000.000**		686.000.000						